

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR

Số: 102.5/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Eakar, ngày 28 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư phía Tây Nam thị trấn Eakar - Huyện Eakar - Tỉnh Đắk Lắk

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị đã được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2009;
Căn cứ Nghị định số: 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính Phủ về lập, thẩm định phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;
Căn cứ Nghị định số 39/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về quản lý không gian xây dựng ngầm đô thị;

Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
Thông tư số 12/2016/TT - BXD ngày 29/06/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;
Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn danh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

Thông tư số 06/2013/TT-BXD ngày 13/05/2013 và số 16/2013/TT-BXD ngày 16/10/2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về nội dung thiết kế đô thị;
Căn cứ Quyết định số: 13/2011/QĐ-UBND ngày 07/6/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc ban hành quy định về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
Căn cứ Quyết định số 648/QĐ-UBND ngày 17/3/2008 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng thị trấn Eakar, huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020.

Căn cứ văn bản số 4716/UBND-CN ngày 08/07/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Danh mục lập QHCT trên địa bàn huyện Eakar tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2014-2015; Công văn số: 2151/UBND-CN, ngày 28/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc tách danh mục quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư phía Tây Nam thị trấn Eakar, huyện Eakar;
Căn cứ Quyết định số 308/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND huyện Eakar về việc Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán khảo sát Dự án: Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư phía Tây Nam, thị trấn Eakar;

phê duyệt.

- Cụ thể hóa Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Ea Kar đã được

1. Mục tiêu quy hoạch

II. MỨC TIÊU, TÍNH CHẤT, CHỨC NĂNG

- Dân số thuộc phạm vi xây dựng mới: khoảng 4600 người.

- Dân số thuộc phạm vi hiện trạng chỉnh trang: khoảng 3.300 người;

Quy mô dân số quy hoạch khoảng 7.900 người, trong đó:

3. Quy mô dân số

- Trên địa bàn xã Cư Ni là : 31,5 ha.

- Trên địa bàn thị trấn là : 76,7 ha;

Diện tích lập quy hoạch thực tế: khoảng 108,2 ha, trong đó:

Theo khối lượng được phê duyệt: 90ha.

2. Quy mô quy hoạch:

- Phía Tây giáp hồ Ea Kar.

- Phía Đông giáp đường Trần Hưng Đạo;

- Phía Nam giáp Thôn 3, xã Cư Ni và Hồ Ea Kar.

trần Ea Kar.

- Phía Bắc giáp Khu dân cư Tô dân phố 5 và đường Nguyễn Tất Thành, thị

hiện tại. Ranh giới cụ thể như sau :

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư phía Tây Nam thị trấn Ea Kar - Huyện Ea Kar - tỉnh Đắk Lắk thuộc địa phận thị trấn Ea Kar

1. Vị trí, ranh giới

I. VỊ TRÍ, RANH GIỚI, QUY MÔ LẬP QUY HOẠCH

sau:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư phía Tây Nam thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, với các nội dung cụ thể như

QUYẾT ĐỊNH:

định số: 02/2018/TBQH-KTHT, ngày 28/12/2018,

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hà táng huyện Ea Kar tại báo cáo tham

dân cư phía Tây Nam, thị trấn EaKar, huyện EaKar;

EaKar về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu Căn cứ Quyết định số 309/QĐ-UBND ngày 19/4/2017 của UBND huyện

TT	Hạng mục	Đơn vị	Chỉ tiêu Quy hoạch
I	Dân số		
	Dân số trong khu vực quy hoạch	Người	7.900
II	Chỉ tiêu sử dụng đất		
2.1	Đất khu ở	m ² /người	70-80
a	Đất ở	m ² /người	≤50
	- Nhà ở liên kế	m ² đất/hộ	120-150
	- Nhà ở có vườn .	m ² đất/hộ	300-500
b	Đất công cộng, giáo dục	m ² /người	1,5-2

Bảng: Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đô án

1. Các chỉ tiêu và tiêu chuẩn thiết kế của đô án

III. NỘI DUNG QUY HOẠCH CHI TIẾT

Là khu ở của đô thị đông bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ nhu cầu phát triển dân cư của thị trấn EaKar.

3. Chức năng đô thị

- Đầu tư xây dựng một khu dân cư phía Tây Nam thị trấn Ea Kar đông bộ, trên cơ sở gắn với các khu chức năng công cộng, dịch vụ, kết hợp huy động các nguồn lực kinh tế để đầu tư xây dựng hạ tầng cơ sở cho toàn khu vực dự án.

- Đầu tư xây dựng một khu dân cư phía Tây Nam thị trấn Ea Kar đông bộ, quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Đông của tỉnh.

- Là trung tâm cụm công nghiệp phía Đông của tỉnh. Là đầu mối giao thông kinh tế, văn hoá, xã hội, KHKT và chuyên giao công nghệ vùng phía Đông của

- Đô thị Ea Kar hướng tới thị xã đô thị loại IV thuộc tỉnh - trung tâm chính trị,

2. Tính chất

- Đảm bảo tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí để đầu tư cơ sở hạ tầng cho dự án.

- Xác định mô hình, chính sách biện pháp quản lý khai thác quỹ đất đầu tư dự án, đảm bảo các quy định của pháp luật;

- Xác định ranh giới cần quản lý bảo vệ và sử dụng đất phù hợp với đặc điểm và tính hình thực tế;

- Xác lập ranh giới cần quản lý bảo vệ và sử dụng đất phù hợp với đặc điểm

- Chăm sóc chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng cho các tuyến kỹ thuật;

- Xác lập ban đồ quy hoạch chi tiết, tạo cơ sở để xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật cho khu vực nghiên cứu;

- Làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng thị trấn Ea Kar và quản lý xây dựng khu đô thị theo quy hoạch;

- Đầu tư xây dựng trung tâm thị trấn Ea Kar, hiện đại với các công trình cơ sở hạ tầng kỹ thuật phát triển đồng bộ, nhằm đáp ứng nhu cầu ở trong và ngoài khu vực;

STT	Loại đất	Chỉnh trang	Xây dựng mới	Quy hoạch	Tỉ lệ	m ² /ng
1	ĐẤT DÂN DỤNG	723.867	270.497	994.364	91,85	
1.1	Đất ở	389.589	200.259	589.848	54,49	74,6
1.1.1	Đất đơn vị ở	389.589	200.259	589.848	54,49	
1.2	Đất công cộng	922	6.022	6.943	0,64	0,87
1.2.1	Công cộng đơn vị ở	922	6.022	6.943	0,64	
1.3	Đất giao dực	18.808	0	18.808	1,74	2,38
1.3.1	Trường THPT	15.607	0	15.607	1,44	
1.3.2	Giáo dục cơ sở	3.201	0	3.201	0,30	

Bảng: Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất toàn khu

2.1. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất toàn khu

2. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Hàng mục	Đơn vị	Quy hoạch
c	Đất cây xanh vui chơi giải trí	m ² /người	2 - 3
2.2	Tầng cao		
	Tầng cao Xây dựng toàn khu		
	- Nhà ở liên kế	Tầng	2-6
	- Nhà ở có vườn xây mới	Tầng	1-3
	- Công trình công cộng	Tầng	1-5
2.3	Mật độ xây dựng TB trong các lô XD		
	- Nhà ở chia lô xây mới	%	60-80
	- Nhà ở có vườn xây mới	%	25-50
	- Công trình công cộng	%	25-40
2.4	Đất công viên, vườn hoa	%	5 - 10
V	Hạ tầng kỹ thuật đô thị		
	Tỷ lệ đất giao thông	%	16 - 20
	Mật độ đường phố chính	km/km ²	8-12
	Mật độ công thoát nước	km/km ²	>3,5
	Cấp nước sinh hoạt	l/ng-ng-d	80 - 100
	Cấp nước cơ quan, trường học, CTCC	l/ng-ng-d	25
	Thoát nước bản Q, trường học, CTCC	l/ng-ng-d	25
	Rác thải	kg/ng-ng-d	0,7 - 0,8
	Cấp điện sinh hoạt	KWh/ng/năm	500
	Cấp điện cơ quan, CTCC	W/m ² sản	25-40
	Chiều sáng đường phố	Cd/m ²	0,8-1,2

f) Công trình công cộng

Hung Đào.

Đất ở kết hợp dịch vụ được bố trí thành các phân đoạn phía dưới đường Trần Hưng Đào.

Đất ở kết hợp dịch vụ sẽ góp phần tạo lập hình thái sinh động hơn cho không gian kiến trúc đô thị.

Được phép xây dựng với tầng cao hơn và mật độ xây dựng lớn hơn để có thể thuận lợi hơn trong việc kết hợp giữa ở và kinh doanh dịch vụ. Đất ở kết hợp dịch vụ

e) Đất ở kết hợp dịch vụ

Đất ở đất ở đô thị tại những vị trí thuận lợi về giao thông và thương mại, được phép xây dựng với tầng cao hơn và mật độ xây dựng lớn hơn để có thể thuận lợi hơn trong việc kết hợp giữa ở và kinh doanh dịch vụ. Đất ở kết hợp dịch vụ sẽ góp phần tạo lập hình thái sinh động hơn cho không gian kiến trúc đô thị.

Xung quanh khu vực này là đất dự trữ phát triển đô thị mới sinh thái trong tương lai, với mật độ xây dựng thấp, đất rộng, và tỉ lệ cây xanh sân vườn lớn.

trần, đất ở nhà vườn nằm chủ yếu ở khu vực phía Nam.

Là đất ở chính trang trên cơ sở đất ở nông thôn hiện trạng xã Cư Ni và thị trấn, đất ở nhà vườn nằm chủ yếu ở khu vực phía Nam.

c) Đất ở nhà vườn

Đất ở biệt thự ven hồ Bakar được quy hoạch với mật độ xây dựng thấp (tối đa 60%) các lô đất biệt thự từ 250-400m², tầng cao trung bình là 2,5 tầng, danh nhiều diện tích cây xanh sân vườn, tạo nên một trục đô thị với cảnh quan sinh thái đẹp nhìn từ đường ven hồ. Với mật độ xây dựng và tầng cao thấp vẫn đảm bảo tầm nhìn thoáng từ đô thị ra hồ Bakar.

Đất ở biệt thự ven hồ Bakar được quy hoạch với mật độ xây dựng thấp (tối đa 60%) các lô đất biệt thự từ 250-400m², tầng cao trung bình là 2,5 tầng, danh nhiều diện tích cây xanh sân vườn, tạo nên một trục đô thị với cảnh quan sinh thái đẹp nhìn từ đường ven hồ. Với mật độ xây dựng và tầng cao thấp vẫn đảm bảo tầm nhìn thoáng từ đô thị ra hồ Bakar.

Đất ở biệt thự ven hồ Bakar được quy hoạch với mật độ xây dựng thấp (tối đa 60%) các lô đất biệt thự từ 250-400m², tầng cao trung bình là 2,5 tầng, danh nhiều diện tích cây xanh sân vườn, tạo nên một trục đô thị với cảnh quan sinh thái đẹp nhìn từ đường ven hồ. Với mật độ xây dựng và tầng cao thấp vẫn đảm bảo tầm nhìn thoáng từ đô thị ra hồ Bakar.

Đất ở biệt thự ven hồ Bakar được quy hoạch với mật độ xây dựng thấp (tối đa 60%) các lô đất biệt thự từ 250-400m², tầng cao trung bình là 2,5 tầng, danh nhiều diện tích cây xanh sân vườn, tạo nên một trục đô thị với cảnh quan sinh thái đẹp nhìn từ đường ven hồ. Với mật độ xây dựng và tầng cao thấp vẫn đảm bảo tầm nhìn thoáng từ đô thị ra hồ Bakar.

Là đất ở tại khu vực xen lẫn giữa đất ở đô thị hiện trạng và đất chưa xây dựng; được quy hoạch với các lô đất ở mới rộng hơn và mật độ xây dựng trung bình thấp hơn so với đất ở đô thị.

b) Đất ở mật độ trung bình, thấp

Đất ở đô thị tập trung ở 2 bên đường Ngô Gia Tự, đường Cao Bá Quát.

Đất ở đô thị tập trung ở 2 bên đường Ngô Gia Tự, đường Cao Bá Quát.

Chủ yếu là đất ở hiện trạng, có xây dựng bỏ sung trong các khu vực xen kẽ, tại các khu vực hiện có mật độ xây dựng tương đối cao.

a) Đất ở mật độ cao

2.2. Quy hoạch sử dụng đất:

1.4	Đất cây xanh dân dụng	2.571	54.639	57.210	5,28	7,24
1.4.1	Cây xanh đô thị	2.571	54.639	57.210	5,28	
1.5	Đất giao thông dân dụng	311.977	9.578	321.555	29,70	40,7
1.5.1	Bãi đỗ xe	0	5.527	5.527	0,51	
1.5.2	Đường dân dụng	308.973	1.907	310.881	28,72	
1.5.3	Lưu không dân dụng	3.003	2.143	5.146	0,48	
2	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	16.729	71.488	88.217	8,15	
2.1	Trung tâm y tế	11.242	0	11.242	1,04	1,42
2.2	Cơ quan	5.487	0	5.487	0,51	
2.3	Kinh doanh	0	32.804	32.804	3,03	
2.4	Phi nông nghiệp	0	38.684	38.684	3,57	
5	TỔNG CỘNG	740.602	341.985	1.082.587	100	

Cần phát triển hai hòa và gắn kết giữa các khu chức năng lân cận; giữa các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật và cảnh quan tự nhiên và đặc biệt giữa khu

a) *Nguyên tắc bố cục không gian:*

3.1. *Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc và cảnh quan:*

3. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan - Thiết kế đô thị

vuôn cao cấp, dự trữ cây xanh công viên và đường giao thông.
xuất cho khu vực này bao gồm: dự trữ kinh doanh dân dụng, dự trữ đất ở đô thị nhà
hoạch chung là khu vực phía Tây Nam. Các chức năng dự trữ chủ yếu đã được đề
p) *Dự trữ phát triển:* Khu vực đất dự trữ phù hợp với định hướng của quy

Đường giao thông được quy hoạch đến cấp đường nội bộ nhỏ nhất là 6m.

o) *Đường dân dụng*

Quy hoạch 4 bãi đỗ xe cấp đô thị phục vụ khu vực tập trung đông người và
các bãi đỗ xe phân tán nhằm đảm bảo bán kính phục vụ tới ưu 500m.

n) *Bãi đỗ xe dân dụng*

thương mại dịch vụ phía Đông vùng Tỉnh Đắk Lắk.
có bộ mặt đô thị hiện đại nhất Ea Kar, nhằm đưa Ea Kar trở thành trung tâm
từ các doanh nghiệp, xây dựng hiện đại có quy mô lớn nhằm tạo thành khu vực
đại đất dịch vụ ven hồ phía Tây. Đây sẽ là quy đất được giới thiệu để kêu gọi đầu
thương mại dịch vụ trên đường Bà Triệu kéo dài - Cao Bá Quát và quy hoạch mới
Bên cạnh các quỹ đất kinh doanh hiện có, đề xuất quy hoạch 2 khu trung tâm

mại và các loại hình kinh doanh dân dụng khác.

trụ sở làm việc, phòng trưng bày giới thiệu sản phẩm, kinh doanh dịch vụ thương
m) *Kinh doanh dân dụng:* Là đất do doanh nghiệp sử dụng cho các mục đích

bồi dưỡng chính trị huyện.

l) *Cơ quan:* Chính trang khu vực Huyện ủy và chi cục thi hành án, trung tâm

k) *Y tế:* Chính trang bệnh viện đa khoa Ea Kar

thành một quần thể công cộng phục vụ cho các đơn vị ở.
i) *Thể dục thể thao:* Quy hoạch khu thể thao nhỏ nằm giáp nhà văn hóa mới

Cây xanh chạy dọc ven bờ hồ Ea Kar.

Quy hoạch vuôn hoa tại trung tâm các khu ở;

Triệu, Cao Bá Quát kéo dài và giáp với hồ Ea Kar
h) *Cây xanh công viên:* Quy hoạch quảng trường nằm chắn trục đường Bà

mang non, trung tâm giao dịch thương xuyên...

g) *Giao dịch:* Chính trang các công trình giao dịch hiện trạng, gồm: Trường

được quy hoạch mở rộng.

- Nhà văn hóa khu dân cư; Chợ; Hội trường khối 2A và nhà văn hóa thôn 3

cộng mới bao gồm:

Bên cạnh các công trình công cộng hiện trạng, quy hoạch các công trình công

Đường Cao Bá Quát - Bà Triệu kéo dài: Trục không gian cảnh quan chủ đạo của đô thị kết nối từ hồ Ea Kar qua trung tâm văn hóa - thương mại - quảng trường Đông Tây;

Đường Nguyễn Tất Thành: Trục giao thông trung tâm của đô thị theo hướng
a) Các trục phát triển không gian chính:

3.2. Thiết kế đô thị:

Đảm bảo tính kết nối liên tục của hệ thống cây xanh cảnh quan khu ở và gắn kết được với không gian xanh xung quanh.

Đảm bảo tỷ lệ giao thông tỉnh, diện tích cây xanh sân vườn. Các không gian mở như như quảng trường, trục đi bộ, vườn hoa đài phun nước... hai hoà với không gian kiến trúc cảnh quan các công trình, phù hợp với tính chất khu nhà ở điển hình.

Đảm bảo tính liên tục của hệ thống cây xanh cảnh quan khu ở và gắn kết được với không gian mở, xây dựng mô hình khu dân cư hiện đại, đồng bộ về hạ tầng và phù hợp với văn hóa của địa phương.

Tổ chức cảnh quan đảm bảo sự vận hành thuận lợi cho khu dân cư và xây dựng mô hình khu dân cư hiện đại, đồng bộ về hạ tầng và phù hợp với văn hóa của địa phương.

Tạo không gian cho các hoạt động công cộng và vui chơi picnic.

Khu cây xanh trung tâm kết hợp không gian mặt nước và công trình công cộng tạo điểm nhấn chính cho toàn khu. Vừa mang bộ mặt riêng cho đô thị vừa tạo cảnh quan tự nhiên đẹp mắt hiện có của khu đất. Khu vực cây xanh đệm giữa khu khai thác đất ở và hồ cũng được dùng để sử dụng thành các tham số cảnh quan kiến trúc trên các tuyến phố, đồng góp vào cảnh quan kiến trúc khu vực.

Các khu cây xanh vườn hoa được bố trí ở trung tâm các nhóm ở, là không gian mở, xanh và đảm bảo an toàn cũng như bán kính phục vụ cho các hộ dân trong nhóm ở.

Công trình thương mại dịch vụ đô thị được quy hoạch có hướng tiếp cận và hướng nhìn từ trục đường Cao Bá Quát - Bà Triệu kéo dài. Các khối công trình được hợp khối, tiết kiệm diện tích đất để bố trí cây xanh sân vườn, đảm bảo tạo lập cảnh quan kiến trúc trên các tuyến phố, đồng góp vào cảnh quan kiến trúc khu vực.

Đảm bảo tỷ lệ giao thông tỉnh, diện tích cây xanh sân vườn. Các không gian mở, xanh và đảm bảo an toàn cũng như bán kính phục vụ cho các hộ dân trong nhóm ở.

Đảm bảo tỷ lệ giao thông tỉnh, diện tích cây xanh sân vườn. Các không gian mở, xanh và đảm bảo an toàn cũng như bán kính phục vụ cho các hộ dân trong nhóm ở.

Đảm bảo tỷ lệ giao thông tỉnh, diện tích cây xanh sân vườn. Các không gian mở, xanh và đảm bảo an toàn cũng như bán kính phục vụ cho các hộ dân trong nhóm ở.

Đảm bảo tỷ lệ giao thông tỉnh, diện tích cây xanh sân vườn. Các không gian mở, xanh và đảm bảo an toàn cũng như bán kính phục vụ cho các hộ dân trong nhóm ở.

Đảm bảo tỷ lệ giao thông tỉnh, diện tích cây xanh sân vườn. Các không gian mở, xanh và đảm bảo an toàn cũng như bán kính phục vụ cho các hộ dân trong nhóm ở.

Đảm bảo tỷ lệ giao thông tỉnh, diện tích cây xanh sân vườn. Các không gian mở, xanh và đảm bảo an toàn cũng như bán kính phục vụ cho các hộ dân trong nhóm ở.

b) Giải pháp:

Đảm bảo tỷ lệ giao thông tỉnh, diện tích cây xanh sân vườn. Các không gian mở, xanh và đảm bảo an toàn cũng như bán kính phục vụ cho các hộ dân trong nhóm ở.

(khu phía Nam), tới trạm xử lý nước thải đô thị, với chỉ giới đường đỏ được mở rộng lên 23m;

Trục cảnh quan ven hồ Ea Kar (đường vành đai hồ Ea Kar) có lộ giới 23m.

b) Các trung tâm, khu chức năng chính:

Khu công cộng: Quy hoạch chợ mới nằm phía Đông Nam khu nghiên cứu, các nhà văn hóa mở rộng thêm;

Khu dịch vụ thương mại: Khu trung tâm thương mại hỗn hợp nằm trên đường Bà Triệu, khu thương mại ven hồ và khu thương mại dịch vụ phía Nam khu quy hoạch;

Khu công viên quang trường, không gian xanh: Nằm ven hồ Ea Kar phía Tây; Khu y tế: Bệnh viện đa khoa Ea Kar nằm trên mặt đường Trần Hưng Đạo;

Khu đất phát triển đô thị : Khu Dân cư đô thị nằm trên xã Cư Ni phía Nam và phía Tây Nam thị trấn Ea Kar.

c) Xác định chiều cao xây dựng công trình:

Tầng cao:

- Nhà ở: tới đa 6 tầng

- Công trình trường học: 3 tầng

- Công trình công cộng: 5 tầng

- Công trình dịch vụ thương mại: tới đa 9 tầng.

Chiều cao công trình:

Nhà ở:

Chiều cao nền so với cos via hè: 0,45m

Chiều cao tầng 1: 3,6 – 3,9m

Chiều cao tầng 2-4: 3,3m

Chiều cao tầng mái (nếu có): 2,2m

Tổng chiều cao tới đa của công trình: 13,2m

Chiều cao nền so với cos via hè: 0,45m

Chiều cao tầng 1: 4,2 – 4,5m

Chiều cao tầng 2-4: 3,6m

Tổng chiều cao tới đa của công trình: 18m

Chiều cao nền so với cos via hè: 0,45m

Chiều cao tầng 1: 4,2 – 4,5m

Chiều cao tầng 2-5: 3,6m

Tổng chiều cao tới đa của công trình: 16m

Chiều cao nền so với cos via hè: 0,45m

Chiều cao tầng 1: 4,2 – 4,5m

Chiều cao tầng 2-3: 3,9m

Tổng chiều cao tới đa của công trình: 9m

d) Xác định khoảng lùi công trình trên từng đường phố, nút giao thông:

Công trình trường học:

Công trình dịch vụ công cộng:

Công trình thương mại :

f) Hệ thống cây xanh mặt nước và quang trường:

- Đới với các trục đường đôi ngoài: Các công trình công cộng, dịch vụ xây dựng dọc theo các trục đường này phải tuân thủ khoảng lùi tới thiểu 6m.
 - Đới với các trục đường khác: các công trình công cộng, trường học: khoảng lùi trên 3m.
 - Đới với công trình nhà ở xây dựng mới: Khoảng lùi tới thiểu 1,2m.
- e) Xác định hình khối, màu sắc, hình thức kiến trúc chủ đạo của các công trình kiến trúc:
- Khối tích công trình
 - + Khi thiết kế xây dựng công trình cần đặc biệt chú ý tới khối tích, khoảng lùi, tầng cao diện tích chiếm đất. Cần tuân thủ quy hoạch chi tiết để không làm xáo trộn khuôn viên xây dựng mới, đảm bảo mật độ xây dựng.
 - + Phía trước các công trình luôn được chú ý tới cảnh quan một cách hoàn hảo, đảm bảo tầm nhìn. Những không gian cây xanh mặt nước sẽ được đưa vào tạo nên một môi trường cảnh quan phong phú, đa dạng.
 - + Các công trình kiến trúc trên các trục không gian được thiết kế như một điểm nhấn, một công đơn và có ý nghĩa như điểm kết chận trục dòng mở không gian.
 - + Các công trình trong khu đất công cộng đô thị được hợp khối để tạo nên bộ mặt kiến trúc công trình mang tính điểm nhấn và tạo ra các không gian mở đơn các hướng nhìn.
 - Hình thức kiến trúc chủ đạo
 - Trong toàn khu vực quy hoạch lựa chọn các phong cách kiến trúc riêng biệt tương ứng với các chức năng khu vực:
 - + Đới với các khu thương mại, hỗn hợp: Hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp với kiến trúc đặc trưng của khu vực: mái dốc, các chi tiết trang trí có họa văn hóa tiết đặc trưng văn hóa Tây Nguyên, chú trọng đến việc tổ hợp hình khối kiến trúc.
 - + Đới với công trình trường học: Hình thức kiến trúc hiện đại kết hợp với hình thức kiến trúc truyền thống phù hợp với chức năng của công trình.
 - + Đới với kiến trúc nhà ở độc lập: Sử dụng một vài loại mẫu nhà, kết hợp giữa nhà ở độc lập và tổ hợp song lập... nhằm tạo tính đồng đều cho chất lượng kiến trúc khu đô thị. Sử dụng kiến trúc hiện đại có mái dốc mái hoặc hai mái. Hạn chế sử dụng các chi tiết trang trí và sử dụng các băng kính màu, phản quang, kích thước lớn trên mặt dựng.
 - + Ban công, lô gia sử dụng lan can thoáng bằng vật liệu thép hoặc kính với chiều cao tính đến mặt sàn không lớn hơn 90cm. Khuyến khích sử dụng các màu sắc trang nhã, nhẹ nhàng, không sử dụng màu sơn quá sặc sỡ, quá nóng hoặc quá sậm đối với ngoài trời.

4.2. Giao thông

+ Cốt san nền trung bình được công bố cho từng lô quy hoạch sử dụng đất : Xem Phụ lục SN01.

+ Đường đồng mức thiết kế, chênh cao 0,2m ;

hay độ dốc trên đường giao thông;

+ Cốt thiết kế tại các nút giao thông và các điểm đặc thù chuyên hướng dốc

3 hình thức sau trên bản vẽ san nền:

- Cốt thiết kế san nền trong đồ án quy hoạch chi tiết 1/500 được thể hiện dưới

nhien.

- Đối với các khu vực khác, chủ yếu là san gạt cục bộ bám sát địa hình tự

cao độ tự nhiên thấp cao độ không chế.

- Đối với các khu vực ven các trạm trung, công tác san nền chủ yếu là đắp nền

Thiết kế san nền

+ Các tuyến đường dạo xung quanh hồ điều hòa : 460m - 473m.

+ Tuyến đường ven hồ phía Tây Nam : 464m - 473,2m;

469,8 (nút giao với đường Bà Triệu);

+ Tuyến đường phía Tây : 477,4m (nút giao với đường Nguyễn Tất Thành) -

Tất Thành);

+ Đường qua khu vực trung tâm từ đường Nguyễn Tất Thành tới đường Bà

Triệu: 469m (nút giao với đường Bà Triệu) - 478,8 (nút giao với đường Nguyễn

đường Nguyễn Tất Thành);

+ Đường phía Tây : 473m (khu vực gần hồ điều hòa) - 477,6m (nút giao với

điều hòa);

+ Đường Bà Triệu: 475,4m (khu vực phía Tây Nam) - 464,6 (khu vực gần hồ

+ Đường Nguyễn Tất Thành : 475,8m- 148,8m;

- Các hệ thống cốt không chế san nền chủ yếu (min- max) bao gồm :

hòa và +478,8m tại khu vực phía Bắc trên đường Nguyễn Tất Thành.

- Cốt xây dựng thấp nhất cho toàn đồ thi : +460m tại đường dạo sát hồ điều

4.1. San nền: Cao độ không chế

4. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

đếm giữa mặt hồ Eakkar và không gian khai thác đồ thi.

- Trong đất cây xanh cảnh quan bao gồm vườn hoa, thảm cỏ là không gian

trong khu vực

đành cho dạo chơi, thư giãn, nghỉ ngơi và hoạt động tập luyện TDTT... của dân cư

- Trong đất cây xanh nhóm ở bao gồm: vườn hoa, thảm cỏ, sân chơi, tổ chức

hoa, cây xanh đường phố), cây xanh nhóm ở và cây xanh cảnh quan.

Đất cây xanh trong khu vực thiết kế gồm cây xanh đơn vị ở (công viên, vườn

Nguyên tắc quy hoạch

- Hệ thống giao thông trong khu vực hầu hết là đường dân dụng đô thị.
 - Mạng lưới đường giao thông đô thị được quy hoạch tới cấp đường nội bộ, kể cả các ngõ hiện trạng.
 - Đối với giao thông đường bộ, các hướng kết nối chính bao gồm:
 - + Đường Nguyễn Tất Thành là trục giao thông chính đô thị có vai trò trung tâm;
 - + Đường Bà Triệu kéo dài có 2 hướng kết nối chính : Di hồ Ea Kar và đi khu vực phía Nam thị trấn Ea Kar;
 - + Đường phía Tây kết nối với khu vực phía Đông Ea Kar và khu vực phía Nam Ea Kar;
 - + Đường đi qua trung tâm khu vực : Kết nối đường Nguyễn Tất Thành với đường Bà Triệu;
 - + Các hướng kết nối giao thông khác chủ yếu là kết nối các đường phố nội thị hiện trạng và kết nối giữa các điểm dân cư các xã.
 - Cốt quy hoạch giao thông bám sát bề mặt địa hình san nền thiết kế.
 - Sơ đồ mạng giao thông được thiết kế mềm dẻo phù hợp với địa hình thiết kế và hiện trạng, nhưng vẫn có dạng trục chủ đạo là mạng bản cơ, gồm hệ thống đường dọc và ngang đan xen.
 - Chỉ giới giao thông về cơ bản tuân thủ đồ án quy hoạch chung đã được phê duyệt. Việc điều chỉnh chỉ thực hiện trong phạm vi cục bộ nhằm phù hợp hơn với hiện trạng và định hướng phát triển không gian.
- Giải pháp quy hoạch
- Đường đôi ngoài: Đường Quốc lộ 26- Đường Nguyễn Tất Thành: rộng 37m, lòng đường 1 m x 2, dải phân cách 3m; lề đường 6mx2.
 - Đường cấp đô thị:
 - + Đường Cao Bá Quát – Trần Huy Liệu: rộng 23m, lòng đường 14m, vỉa hè 2x4,5m;
 - + Đường Trần Hưng Đạo: rộng 23m, lòng đường 14m, vỉa hè 2x4,5m;
 - + Đường Ngô Gia Tự: rộng 17m, lòng đường 11m, vỉa hè 2x3m;
 - + Đường phía Nam: kết nối đường ven hồ phía Tây với đường Trần Hưng Đạo, rộng 23m, lòng đường 14m, vỉa hè 2x4,5m.
 - Đường cấp khu vực:
 - + Đường phía Nam (nối từ đường Ngô Gia Tự đến đường Cao Bá Quát): rộng 17m, lòng đường 11m;
 - + Đường phía Tây (nối từ đường Nguyễn Tất Thành đến đường Cao Bá Quát): rộng 17m, lòng đường 11m;

+ Đường Nguyễn Văn Cừ: rộng 17m, lòng đường 11m.

- Đường cấp nội bộ

+ Các đường phân khu vực:

* Đường Phạm Ngũ Lão: rộng 13m, lòng 7m, lề đường 3,5mx2;

* Đường Nguyễn Văn Cừ: rộng 17m, lòng đường 11m; hè 3mx2

* Đường Nguyễn Bình Khiêm: rộng 13m, lòng 7m, lề đường 3,0mx2;

+ Các đường còn lại là cấp nội bộ, tùy theo điều kiện hiện trạng sẽ có chiều rộng khác nhau:

* Đường rộng 13m, lòng đường 7m, lề 3,0mx2: Các đường phố cũ chỉnh trang, hoặc các đường nội bộ mới;

* Đường vào nhóm nhà ở rộng 10m, lòng đường 6m, lề 2mx2 bên: Các ngõ cũ chỉnh trang; các đường nội bộ mới ngăn và không có tính liên thông cao;

* Các tuyến đường nội bộ rộng 6m, đường dạo nội bộ ven hồ rộng 4-5,5m.

Tổ chức nút giao:

- Tất cả các nút giao trong khu vực nghiên cứu đều là giao nhau cùng mức, tổ chức đèn tín hiệu cho các nút giao từ đường cấp khu vực trở lên.

Giao thông tĩnh

- Bố trí bãi đỗ xe nơi tập trung đông người tại khu vực trung tâm đô thị gần khu vực công cộng, dịch vụ thương mại.

- Trên một số các tuyến đường tại các vị trí thuân lợi, bố trí một số điểm dừng đỗ dọc đường cho các khu vực cơ quan, công trình công cộng và dịch vụ thương mại tập trung.

4.3. Cấp nước

Tổng nhu cầu sử dụng nước là 3.100 m³/ngđ.

Nguồn cấp nước cho đô thị là từ Nhà máy nước của Thị trấn.

Đường ống truyền dẫn xây dựng mới cho đô thị trên đường Nguyễn Tất Thành lấy nước từ nhà máy nước Thị trấn. Đoàn ống qua khu vực nghiên cứu và cấp nước cho khu vực có kích thước D150.

Màng lưới phân phối chính có kích thước từ D100-D150mm.

Màng lưới dịch vụ cấp cho các hộ tiêu thụ nước có đường kính từ D50 – D75mm.

Đối với các đường ống phân phối xây dựng mới, vật liệu ống ưu tiên lựa chọn là ống thép. Đối với các đường ống dịch vụ xây dựng mới, vật liệu ống ưu tiên lựa chọn là ống nhựa HDPE.

Cấp nước cho cư dân sử dụng chung đường ống với hệ thống cấp nước dân dụng. Đường ống cấp chính cho các hộ nằm trên đường chính khu vực và đường phân khu vực, có đường kính từ D100 trở lên. Áp lực đường ống tại các

hòng cấp nước chữa cháy phải đạt tới thiểu là 10m để cấp nước cho xe ô tô chữa cháy. Không bố trí hòng cứu hỏa cho các đường tiếp giáp mặt nước. Khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa là 100-150m.

4.4. Cấp điện

Tổng nhu cầu cấp điện là khoảng 7510 KVA.

Nguồn cấp điện

- Nguồn cấp điện chính cho khu vực là tuyến trung áp 22KV trên QL26 từ trạm 110KV tại xã Eadear.

Lưới điện trung áp

- Lưới điện trung áp cấp điện cho đô thị là lưới 22KV đi nội.

- Để đảm bảo dự phòng phát triển và dự phòng cấp điện cho các phụ tải của các tuyến khác khi có sự cố, các đường trung áp trong chế độ bình thường chỉ thiết kế mang tải 55-60%. Các đường dây trung áp mạch vòng, khi vận hành hờ thiết kế sao cho tồn tại điện áp tại các điểm xa nhất $\leq 5\%$ ở chế độ vận hành bình thường và không vượt qua 10% ở chế độ sau sự cố.

- Tuyến điện 22KV hiện trạng trên đường Quốc lộ 26 là nguồn cấp điện cho khu vực. Từ tuyến điện hiện trạng này, lấy 2 điểm đầu nối rẽ thành 2 nhánh trung áp 22KV đi về phía Nam cấp điện cho các trạm biến áp phân phối.

Trạm biến áp phân phối

- Khu vực nghiên cứu hiện đang được cấp điện từ 2 trạm biến áp trên đường Quốc lộ 26. Để đảm bảo cho nhu cầu cho sự phát triển của các khu vực mới, quy hoạch thêm 6 trạm biến áp phân phối mới bao để đáp ứng nhu cầu dùng cho toàn khu.

- Các trạm biến áp phân phối phải đặt gần trung tâm khu vực phụ tải với bán kính phục vụ không lớn hơn 400m đối với đường trục, 200m đối với đường nhánh để giảm tổn thất điện áp và gần đường giao thông.

- Hình thức trạm mới là trạm biến áp treo, kiểu dáng phù hợp với kiến trúc cảnh quan, được đầu tư mới và nâng cấp theo quá trình xây dựng.

Lưới điện hạ áp: Lưới cấp điện hạ áp 0,4/0,22KV từ các trạm phân phối đến các tủ chưa công tơ tại đầu mối các khu chức năng dọc theo các tuyến giao thông. Vật liệu sử dụng là cáp đồng trong ống luôn luôn thiếp đi ngầm dưới hệ đường.

Mạng lưới chiếu sáng

- Mạng lưới điện chiếu sáng được phân thành 7 vùng phục vụ với 2 nguồn cấp được lấy từ tu điện chiếu sáng tương ứng đặt gần các trạm biến áp phân phối trong khu vực.

- Điện chiếu sáng đi ngầm toàn bộ, sử dụng lưới 3 pha, chế độ công suất theo thời gian và sử dụng đèn chiếu sáng tiết kiệm năng lượng với nhiều hình thức và kiểu dáng phong phú. Tại các điểm giao của đường, bố trí các hố kéo cáp để thuận tiện cho thi công và sử dụng.

- Các công thoát nước thải sử dụng công tròn có kích thước từ D200 đến D600. Riêng đoạn đầu của mạng lưới trên các tuyến đường nội bộ sử dụng rãnh

Mạng lưới thoát nước thải

Lý nước thải chính của đô thị Ea Kar với công suất trạm 3000m³/ngđ. Trạm xử lý nước thải: Trạm xử lý nước thải đất phía Nam khu vực, là trạm xử

4.7. *Thoát nước thải*: Tổng nhu cầu xử lý nước thải là khoảng 2.200 m³/ngđ.

- Các công trong hệ thống thoát nước có kích thước từ D400-D1750mm.

- Hình thức thoát nước mặt trong mạng lưới là tự chảy về các cửa xả.

Mạng lưới thoát nước

- Khu vực tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo : 4 cửa xả ra ruộng.

- Khu vực tiếp giáp hồ điều hòa Ea Kar: 8 cửa xả đổ vào hồ điều hòa;

Hệ thống các cửa xả:

ruộng phía Đông đường Trần Hưng Đạo.

Nước mưa của toàn bộ khu vực nghiên cứu được thoát vào hồ Ea Kar và khu

4.6. *Thoát nước mặt*

theo dự án đầu tư.

- Hệ thống cấp quang từ tổng đài tới Switch sẽ được ngầm hóa theo quy phạm ngầm. Đối với cấp thông tin dẫn tới hộ tiêu thụ sẽ có thể đi ngầm hoặc đi nổi tùy

thuận lợi cho quản lý và đầu nối.

- Từ cấp được bố trí trên vỉa hè, tại các khu vực ngã ba hoặc ngã tư nhằm tạo từ 500 đến 2000 người. Từ tu cấp này, cấp thông tin sẽ được dẫn tới các hộ tiêu hợp trong tu cấp, với bán kính phục vụ của mỗi Switch vào khoảng 50m, phục vụ Trần Huy Liệu, đường vào nghĩa địa thôn 2 xã Cư Ni, để dẫn tới các Switch kết Thuận Ksor, đường vào nhà văn hóa thôn 1A xã Cư Ni, đường Cao Bá Quát - Quang Trung, các tuyến cấp nhánh sẽ được lắp đặt trên các đường ngang như Y

- Đối với mạng ngoài vì xây dựng mới, từ tuyến cấp chính dọc theo đường đang sử dụng cấp đồng.

Mạng ngoài vi: - Đối với mạng ngoài vì hiện có, triển khai thiết bị DSLAM nhằm tăng cường khả năng kết nối internet cho các khu vực xây dựng hiện hữu

Mạng di động: Sử dụng hệ thống các trạm BTS do các doanh nghiệp viễn thông xây dựng, đã đáp ứng đủ nhu cầu mạng di động của người dân.

điện.

Truyền dẫn và chuyên mạch: Hiện đã có tổng đài của đô thị hiện đất tại Bưu

4.5. *Thông tin liên lạc*

- Sau khi tính toán, chọn loại bóng đèn cao áp có công suất 125W - 250 để chiếu sáng cho khu vực. Tùy vào từng loại cấp đường để lựa chọn công suất bóng, khoảng cách cột, chiều cao cột và hình thức bố trí cột đèn.

Kín thoát nước thải. Hầu hết tất cả các công vận hành theo hình thức tự chảy hướng về các trạm xử lý.

- Nước thải khu vực phía Nam Ea Kar sẽ được đầu nối vào hệ thống công thoát nước thải khu vực trên tuyến đường phía Nam và phía Tây để dẫn về trạm xử lý.

4.8. Về sinh môi trường

Nhu cầu xả chất thải rắn sinh hoạt dự kiến là khoảng 15 tấn/ngđ.

Rác sẽ được thu gom, đưa về khu xử lý tại thôn 13, xã EaĐar, cách xa phạm vi khu vực nghiên cứu.

Toàn bộ vấn đề mai táng của khu vực nghiên cứu sẽ được chuyển về nghĩa địa đô thị tại thôn 13 xã EaĐar (đang lập quy hoạch chi tiết 30ha), cách xa phạm vi khu vực nghiên cứu quy hoạch.

4.9. Đánh giá môi trường chiến lược:

- Qua trình triển khai dự án, Chủ đầu tư cần thực hiện các yêu cầu theo nội dung Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường, Các giải pháp công nghệ giảm thiểu ô nhiễm tại phần đánh giá môi trường chiến lược của đồ án quy hoạch chi tiết.

- Nội dung đánh giá môi trường chiến lược tại đồ án quy hoạch chi tiết là định hướng để làm cơ sở cho Chủ đầu tư thực hiện công tác lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

- Đánh giá tác động môi trường trong đồ án này đã nêu rõ được các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đối với môi trường không khí, nước, đất, tiếng ồn..., đảm bảo phát triển bền vững trong khu vực. Tuy nhiên, giám thiểu ô nhiễm môi trường trong khu vực còn phụ thuộc vào một số yếu tố khách quan và nhân thực của người sử dụng, mà bản thân quy hoạch này không thể giải quyết được, do vậy cần có chính sách, biện pháp cụ thể khuyến khích người dân tuân thủ Luật bảo vệ môi trường.

4.10. Quy hoạch xây dựng ngầm đô thị:

- Dọc theo các trục đường giao thông bộ tri Tuymel, hào kỹ thuật chứa hệ thống cấp nước phân phối, hệ thông cấp điện, thông tin liên lạc...

- Các công trình được bố trí trong phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết là công trình thắp sáng, do vậy không bố trí tầng hầm.

5. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

- Các dự án xây dựng công trình:

+ Xây dựng mới và chỉnh trang công trình công cộng phục vụ khu ở: Hội trường khối 2A, hội trường khối 1, nhà văn hóa thôn 3.

+ Các vườn hoa phục vụ khu ở: CXXC2, CXXC7, CXXC8, CXXC9, CXXC11.

- Các dự án hạ tầng kỹ thuật:

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng chịu trách nhiệm xác nhân hồ sơ, bản vẽ kèm theo Quyết định phê duyệt này để thực hiện và quản lý; Chủ trì, phối hợp với Chủ tịch UBND Thị trấn Eakar, Chủ tịch UBND xã Cư Ni, nhiệm yết công khai quy hoạch để các tổ chức, cơ quan và nhân dân biết, thực hiện.

Nguồn vốn thực hiện dự án được thực hiện từ nhiều nguồn vốn; Huy động từ nhiều nguồn lực; lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp nhất, đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật quy định hiện hành, nhằm triển khai thực hiện quy hoạch trong thời gian sớm nhất.

7. Đề xuất giải pháp nguồn vốn

Bảng chữ : Hai nghìn bảy trăm tám mươi hai tỷ, hai trăm triệu đồng.

TT	Loại công trình	Nhu cầu vốn đầu tư (tỷ đồng)
I	Chi phí trực tiếp	2419.3
1	Công trình kiến trúc	2082.1
2	Kinh phí đèn bù	68.4
3	Hạ tầng kỹ thuật	268.8
a	CBKT	18.3
b	Giao thông	48.6
c	Cấp điện, TTL	94.5
d	Cấp nước	34.5
e	Thoát nước, VSMT	72.9
II	Chi phí khác (5%)	121.0
III	Dự phòng (10%)	241.9
	Tổng	2782.2

Bảng: Tổng hợp kinh phí đầu tư

6. Kinh phí thực hiện dự án

- + Các dự án cải tạo, xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu vực: Đường trục chính, đường nội bộ, hệ thống ống cấp thoát nước chính, trạm xử lý nước thải, trạm biến áp khu vực, hạ ngầm hệ thống điện chiếu sáng, bãi đỗ xe.
- + Xây dựng tuyến đường Trần Hưng Đạo kéo dài.
- + Xây dựng mặt đường, vỉa hè, điện chiếu sáng đường vành đai hồ Ea Kar;
- + Xây dựng đường Nguyễn Bình Khiêm kéo dài.
- + Xây dựng đường Cao Bá Quát kéo dài.
- + Xây dựng hoàn thiện Hạ tầng kỹ thuật đường Ngô Gia Tự.

Chủ tịch UBND Thị trấn Eakar, Chủ tịch UBND xã Cư Ni chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan liên quan, tổ chức kiểm tra, quản lý, giám sát xây dựng theo quy hoạch và xử lý các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 3. Các ông: Chánh Văn phòng UBND Huyện, Trưởng phòng Kinh tế và Hà táng; Chủ tịch UBND Thị trấn Eakar, Chủ tịch UBND xã Cư Ni, Giám đốc công ty COVIC và Thủ trưởng các ngành liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nguyễn Văn Kha

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Kha


- Nơi nhận:**
- Sở XD (B/cáo);
 - Thường trực Huyện Ủy (B/cáo);
 - Thường trực UBND huyện (B/cáo);
 - CT, các phó CT UBND huyện (B/cáo);
 - Như điều 3(T/hiện);
 - Lưu VT.

